

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
“V/v tranh chấp ly hôn, con chung
và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Điều Thị Mỹ L**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: số nhà B, khóm A, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Nơi ở hiện nay: số nhà G, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Phương N**, sinh năm 1967. Nơi cư trú: số nhà B, khóm A, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: số nhà H, Khu nhà ở H, phường T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Điều Thị Mỹ L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L, ông N quen biết, tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 12/01/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường I, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Quá trình sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trong nuôi dạy con cái, thiếu sự yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Bà L và ông N đã sống ly thân hơn 09 năm nay, từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng không cải thiện, không hàn gắn được. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông N.

- Về con chung: bà L và ông N có hai con chung: Nguyễn Ngọc Khả L1, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Thọ H, sinh ngày 11/4/2009, hiện đang sống cùng ông N. Con chung Nguyễn Thọ H được ông N chăm sóc, dạy dỗ đàng hoàng nên bà L1 đồng ý tiếp tục giao Nguyễn Thọ H cho ông N nuôi dưỡng, bà L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 17/7/2025, ông N trình bày: không đồng ý ly hôn với bà L1; nếu phải ly hôn thì yêu cầu giao con là Nguyễn Thọ H cho bà L1 nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: ông N yêu cầu bà L1 chia cho ông N số tiền 200.000.000đ; nợ chung: ông N và bà L1 không có nợ chung. Ngoài số tiền nêu trên thì bà L1 và ông N không có tài sản chung nào khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm: bà L1 giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và bảo lưu các ý kiến đã trình bày; bị đơn Nguyễn Phương N trình bày: ông không có yêu cầu phản tố, ông đồng ý ly hôn với bà L1, đồng ý tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Thọ H, bà L1 cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đ, về tài sản chung: bà L1 và ông N thống nhất không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, nếu ly hôn thì bà L1 tự nguyện chia ông Ngô 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để ông N có vốn làm ăn nhưng bà L1 và ông Ngô T thương lượng phương thức thanh toán, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, ông N thống nhất nhận 100.000.000đ theo đề nghị của bà L1. Các đương sự không còn trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà L1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông N, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân

dân khu vực, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà L1 và ông Ngô T1 đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường I, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà L1 và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 09 năm. Bà L1 giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Tại phiên tòa ông Ngô đồng Ý ly hôn với bà L1 cho thấy mâu thuẫn giữa bà L1 và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1, xử cho bà L1 với ông Ngô ly H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: bà L1 và ông N có hai con chung: Nguyễn Ngọc Khả L1, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Đối với con chung Nguyễn Thọ H, sinh ngày 11/4/2009. Tại phiên tòa bà L1 trình bày: từ ngày ly thân đến nay bà đi làm ở tỉnh Lâm Đồng nên bà để con chung là Nguyễn Thọ H cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa rước đi học, hàng tháng bà gửi tiền về cho ông Ngô nuôi con. Nay công việc và thu nhập của bà ổn định, cháu Nguyễn Thọ H được ông N chăm sóc, dạy dỗ đàng hoàng nên bà L1 đồng ý tiếp tục giao Nguyễn Thọ H cho ông N nuôi dưỡng, bà L1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Ngô đồng Ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu H theo đề nghị của bà L1. Hơn nữa cháu H có Giấy xác nhận khuyết tật trí tuệ, mức độ: nhẹ do Ủy ban nhân dân Phường I (nay là phường L) cấp. Từ trước đến nay ông N là người trực tiếp chăm sóc H nên tiếp tục giao ông N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H là cần thiết và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung như: ổn định về chỗ ở, điều kiện về vật chất, tinh thần, thói quen chăm sóc nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà L1 với ông N tiếp tục giao cháu H cho ông N nuôi dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: bà L1 và ông N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.5] Về nợ chung: bà L1 và ông N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007719 ngày 05/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long), bà L1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Điều Thị Mỹ L với ông Nguyễn Phương N.

2. Về con chung: bà Điều Thị Mỹ L và ông Nguyễn Phương N có hai con chung: Nguyễn Ngọc Khả L1, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Tiếp tục giao con chung Nguyễn Thọ H, sinh ngày 11/4/2009 cho ông Nguyễn Phương N nuôi dưỡng.

Bà Điều Thị Mỹ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng) đến khi Nguyễn Thọ H đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 17/7/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: bà L và ông N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: bà Điều Thị Mỹ L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007719 ngày 05/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long), bà L còn phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND phường L, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy CNKH số 02, ngày 12/01/1998);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận